

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Thông báo số: 517/TB-TA ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long về việc chấp nhận cho ông Ngô Tấn L miễn nộp phần tiền án phí mà ông phải chịu;

Căn cứ Thông báo số: 519/TB-TA ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long về việc chấp nhận cho bà Thạch Thị D miễn nộp phần tiền án phí mà bà phải chịu;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 263/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2022, bà Thạch Thị D và bà Nguyễn Thị H, ông Ngô Tấn L tự nguyện thỏa thuận mỗi bên nộp 50% tiền án phí. Đó đó, bà D nộp 262.500 đồng; bà H, ông L nộp 262.500 đồng nhưng do bà D, ông L có đơn xin miễn nộp phần tiền án phí phải chịu do bà D thuộc hộ cận nghèo năm 2022 theo giấy chứng nhận hộ cận nghèo số 44/GCN-HN.HCN ngày 01/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã P cấp, ông L là người cao tuổi nên căn cứ điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận miễn nộp toàn bộ tiền án phí cho bà D số tiền là 262.500 đồng, ông L số tiền là 131.250 đồng.

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

-*Nguyên đơn*: bà Thạch Thị D, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

-*Bị đơn*: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Ngô Tấn L, sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: bà Nguyễn Thị H, ông Ngô Tấn L tự nguyện trả cho bà Thạch Thị D số tiền hui còn thiếu của dây hui 3.000.000 đồng, xác lập ngày 15/3/2019 âm lịch là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*), bà D thống nhất nhận số tiền này.

Về thời gian trả: Bà Thạch Thị D và bà Nguyễn Thị H, ông Ngô Tấn L tự nguyện thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị D được miễn nộp toàn bộ tiền án phí là 262.500 đồng (*Hai trăm, sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng*). Ông Ngô Tấn L được miễn nộp toàn bộ tiền án phí mà ông phải chịu là 131.250 đồng (*Một trăm ba mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng*). Bà Nguyễn Thị H phải nộp 131.250 đồng (*Một trăm ba mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Nguyễn Thị Trang
(đã ký)